

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/6/2022.

“V/v: Ly hôn giữa chị Hương và anh Tuấn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Hoàng Thị Quế.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 28/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang. TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2022. Về tranh chấp: *“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên: Đơn: Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1997;

- Bị đơn: Anh **Châu Ngọc T**, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Làng Nak, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn nội dung khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân, đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Hương trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Châu Ngọc T qua thời gian quen biết tìm hiểu thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/10/2017.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn, trong cách đối nhân xử thế của mỗi người, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống căng thẳng không có hạnh phúc, vợ chồng đã tự sống ly thân được một thời gian dài. Nay chị xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị đã thật sự

trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đã đề nghị đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Châu Văn H, sinh ngày 12/10/2015, Châu Văn L, sinh ngày 11/7/2017 và Châu Ngọc P, sinh ngày 11/03/2019. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động vì các cháu hiện đang do anh Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Châu Ngọc T, sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, TAND huyện Kbang đã triệu tập anh Tuấn đến Tòa làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên Hoà giải do Toà án tiến hành, nhưng bị đơn anh T không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Do vụ án đã hai lần không tiến hành hoà giải được, vì bị đơn vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên toà, lần thứ nhất mở vào ngày 09/6/2022 và phiên tòa mở lần thứ hai vào ngày hôm nay, mặc dù đã được Toà án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến bị đơn anh T đã vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy trích lục chứng nhận kết hôn mang tên Đinh Thị H - Châu Ngọc T (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Châu Ngọc T (bản sao); 03 Trích lục khai sinh mang tên Châu Văn H, Châu Văn L và Châu Ngọc P (bản sao); 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị H (bản sao); 01 đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng có xác nhận của trưởng làng Nak, thị trấn Kbang và UBND thị trấn Kbang (bản chính).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1997 và anh Châu Ngọc T, sinh năm 1992 - Cùng cố HKTT: Làng Nak, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, anh, chị có ĐKKH đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/10/2017; anh, chị có 03 con chung tên Châu Văn H, sinh ngày 12/10/2015, Châu Văn L, sinh ngày 11/7/2017 và Châu Ngọc P, sinh ngày 11/03/2019. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị Hương giao nộp đã được công khai trên và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Chị Đinh Thị H có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân & gia đình giữa chị và anh Châu Ngọc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đinh Thị H và anh Châu Ngọc T qua thời gian quen biết tìm hiểu thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/10/2017, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn, trong cách đối nhân xử thế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống căng thẳng không có hạnh phúc, vợ chồng anh, chị đã tự sống ly thân được một thời gian dài, nên chị H đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Đối với bị đơn anh Châu Ngọc T, sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, TAND huyện Kbang đã triệu tập anh T đến Tòa làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên Hoà giải do Toà án tiến hành nhưng bị đơn anh T không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX căn cứ quy định của Luật HN&GD năm 2014 để xử cho chị Hương và anh Tuấn được ly hôn với nhau.

[3] **Về con chung:** Chị H và anh T có 03 con chung tên Châu Văn H, sinh ngày 12/10/2015, Châu Văn L, sinh ngày 11/7/2017 và Châu Ngọc P, sinh ngày 11/03/2019. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị giao 03 con chung cho anh Tuấn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động, vì từ trước đến nay các cháu đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai đương sự, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 03 cháu Hoàng, Long và P cho anh T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] **Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):** Chị H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H, xử cho chị Hương được ly hôn với anh Châu Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Châu Văn H, sinh ngày 12/10/2015, Châu Văn L, sinh ngày 11/7/2017 và Châu Ngọc P, sinh ngày 11/03/2019 cho anh T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí LH-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003373 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị T đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

